

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST

Ngày: 28/4/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Minh Thâm và ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2019/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2019, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 423/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2020/QĐST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Long T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Việt K, Cán bộ tín dụng (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: 1. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1956 (Có mặt)

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1966 (Vắng Mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại các bản tự khai, tại biên bản hòa và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Việt K trình bày:

Vào ngày 28/6/2017, vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Trần Thị N đến Quỹ tín dụng nhân dân H làm đơn xin vay vốn tại Hợp đồng vay vốn số 343/HĐTD, số tiền vay 60.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trong hạn 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay về thuê ruộng. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06940, đứng tên người sử dụng ông Đặng Văn T do UBND huyện Tuy Phước cấp ngày 08/9/2011, đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 14, diện tích 873,3m², tọa lạc tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Bình Định; theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn

liên với đất số 343/2017 HĐTC, ngày 28/6/2017 của UBND xã H.

Từ ngày vay đến nay vợ chồng ông T, bà N không trả lãi và gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân H, nên hiện nay ông T, bà N còn nợ 60.000.000đ tiền gốc, nợ lãi trong hạn 15.330.000đ, nợ lãi quá hạn 9.576.000đ, tổng cộng 84.906.000đ. Trong thời gian cho vay đến nay Quỹ tín dụng nhân dân H đã nhiều lần đến nhà đòi nợ, nhưng ông T, bà N vẫn không trả. Do đó nay Quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu ông T, bà N trả 84.906.000đ và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Nếu ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay vốn nói trên thì Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền bán đấu giá tài sản hoặc đề nghị thi hành án để thu hồi nợ.

** Tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đặng Văn T trình bày:*

Vào ngày 28/6/2017 vợ chồng ông có vay Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền gốc 60.000.000đ, thời hạn vay là 24 tháng. Sau khi vay tiền xong ông đầu tư nuôi gà, nhưng bị dịch bệnh chết hết, nên ông không có khả năng trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân H. Nay Quỹ tín dụng nhân dân H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả cả gốc và lãi là 83.898.000đ và lãi phát sinh, ông đồng ý. Nhưng hiện nay kinh tế gia đình quá khó khăn, nên ông xin Quỹ tín dụng nhân dân H cho ông thời hạn đến ngày 27/7/2020 ông sẽ trả đủ số nợ trên một lần.

Bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đơn khởi kiện đến tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn ông Đặng Văn T chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Trần Thị N không chấp hành các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T, bà N trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H tổng cộng 84.906.000đ; trong đó nợ gốc 60.000.000đ; nợ lãi 24.906.000đ. Trường hợp ông T, bà N không trả nợ đúng hạn, thì Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm, Quyền sử dụng đất, thửa đất số 819, tờ bản đồ số 14, diện tích 873,3m², đã được UBND huyện Tuy Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06940, ngày 08/9/2011 đứng tên ông Đặng Văn T và bà Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N, cư trú tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Bình Định. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui

định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối đến Tòa nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N trả nợ vay tổng cộng 84.906.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, vào ngày 28/6/2017 giữa ông vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N và Quỹ tín dụng nhân dân H có thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tiền là hợp đồng tín dụng số 343/HĐTD, số tiền vay 60.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trong hạn 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Từ khi vay đến nay ông T, bà N không có trả nợ gốc và nợ lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân H theo cam kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T đều thừa nhận còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân H tổng cộng 84.906.000đ, nhưng ông T xin đến ngày 27/7/2020 ông T trả đủ số nợ trên, nhưng không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý và cũng không phù hợp với qui định pháp luật, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn bà Trần Thị N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng từ chối đến Tòa và cũng không có bản trình bày ý kiến gì. Điều đó đồng nghĩa với việc bà N đã thừa nhận số nợ mà Quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H 84.906.000đ, trong đó nợ gốc 60.000.000đ, nợ lãi trong hạn 15.330.000đ, nợ lãi quá hạn 9.576.000đ là phù hợp với qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự

Trong quá trình vay tiền thì Quỹ tín dụng nhân dân H, vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N đã thế chấp tài sản để bảo đảm nợ vay cho nên nêu ông T, bà N không có khả năng trả nợ và không tự nguyện giao tài sản thì Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm, Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 14, diện tích 873,3m², tọa lạc tại thôn X, xã H, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã được UBND huyện Tuy Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06940, ngày 08/9/2011 đứng tên người sử dụng ông Đặng Văn T.

Bà Trần Thị N không đến Tòa và cũng không có yêu cầu gì nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: Ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N phải chịu 5% của số nợ phải trả là: 84.906.000đ x 5% = 4.245.000đ, sung công quỹ nhà nước.

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân H 1.900.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003238, ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 84.906.000đ (*Tám mươi bốn triệu chín trăm lẻ sáu ngàn đồng*), trong đó, nợ gốc: 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 15.330.000đ (*Mười lăm triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng*), nợ lãi quá hạn 9.576.000đ (*Chín triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

2. Khi bản án có hiệu pháp luật mà vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N không trả nợ và không tự nguyện giao tài sản thế chấp thì Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp cụ thể là: Quyền sử dụng đất, thửa đất số 819, tờ bản đồ số 14, diện tích 873,3m², đã được UBND huyện Tuy Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06940, ngày 08/9/2011 đứng tên ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Trần Thị N phải chịu 4.245.000đ (*Bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*), sung công quỹ nhà nước.

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân H 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003238, ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ n.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Duy Minh